

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 146/1999/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 7 năm 1999

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Về huy động nguồn vốn để cân đối kế hoạch tín dụng đầu tư của Nhà nước năm 1999

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để triển khai công tác tín dụng đầu tư của Nhà nước năm 1999;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 3244/BKH/TH ngày 22 tháng 5 năm 1999 và số 46/BKH/TH ngày 24 tháng 6 năm 1999, ý kiến của Bộ Tài chính tại văn bản số 2976/TC-ĐTPT ngày 17 tháng 6 năm 1999, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại văn bản số 538/CV-KHNN1 ngày 10 tháng 6 năm 1999,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Để bảo đảm cân đối nguồn vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch Nhà nước năm 1999, ngoài số vốn đã giao tại phụ lục kèm theo Quyết định số 13/1999/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ, các tổ chức sau đây tiếp tục huy động vốn để cho vay:

- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển:	2.730 tỷ đồng
- Tổng cục Đầu tư phát triển:	1.540 tỷ đồng
- Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia:	2.100 tỷ đồng
- Ngân hàng Công thương Việt Nam:	800 tỷ đồng
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:	224 tỷ đồng

Điều 2.

1. Bổ sung danh mục các dự án nhóm A khởi công mới năm 1999, đã có quyết định đầu tư trước ngày 01 tháng 4 năm 1999; tổng mức vốn cho vay đối với các dự án này là 1.336,1 tỷ đồng (phụ lục số 1 kèm theo).

Giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo khoản vay trên đến các đầu mối cho vay, các Bộ, ngành và địa phương để triển khai thực hiện.

2. Quỹ Hỗ trợ đầu tư Quốc gia huy động vốn để cho các dự án khởi công mới thuộc nhóm B và nhóm C vay 2.100 tỷ đồng theo đúng tiến độ của dự án, đúng đối tượng quy định tại Điều 3 Quyết định số 13/1999/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ (phụ lục số 2 kèm theo).

Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo cho các Bộ, địa phương tổng mức vốn được vay; trên cơ sở đó, các Bộ, địa phương bố trí cụ thể danh mục, mức vốn vay cho từng dự án nhóm B, C khởi công mới và đăng ký với Quỹ Hỗ trợ đầu tư Quốc gia để các chủ đầu tư ký kết hợp đồng vay.

3. Đối với các dự án đang vay dở dang tại các ngân hàng thương mại và Tổng cục Đầu tư phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo cho các Bộ, địa phương tổng mức có thể được vay và đầu mối cho vay; trên cơ sở đó, các Bộ, địa phương bố trí danh mục, mức vốn cho từng dự án và đăng ký với các đầu mối cho vay để chủ đầu tư ký kết hợp đồng vay. Các Ngân hàng Thương mại, Tổng cục Đầu tư phát triển căn cứ nhu cầu vay vốn theo tiến độ của các dự án để huy động đủ nguồn vốn cho vay.

Điều 3.

Về cơ chế quản lý và cho vay đối với nguồn vốn huy động thêm trên đây (lãi suất, thời gian cho vay...) thực hiện theo Quyết định số 13/1999/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ.

Trên cơ sở mức vốn huy động và cho vay thực tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính tính toán nguồn bù chênh lệch lãi suất để bố trí vào kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2000.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Phụ lục số 1

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÓM A KHỞI CÔNG MỚI NĂM 1999
ĐƯỢC QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ TRƯỚC NGÀY 01 THÁNG 4 NĂM 1999**

(Kèm theo Quyết định số: 146/1999/QĐ-TTg ngày 01/07/1999 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Tỷ đồng

Số TT	Tên dự án	
	TỔNG SỐ	1.336,1
	I. DO NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHO VAY	
	TỔNG SỐ	423,0
	TRUNG ƯƠNG	224,0
1.	BỘ QUỐC PHÒNG	26,0
	Phát triển cao su vùng Mo Ray	26,0
2.	BỘ Y TẾ	40,0
	Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh	40,0
3.	BỘ XÂY DỰNG	37,0
	Khu dân cư đô thị Miếu Nổi (TP Hồ Chí Minh)	25,0
	Khu Công nghiệp Bắc Vinh	12,0
4.	TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM	41,0
	Thủy điện Đại Ninh (600 MW)	26,0
	Đuôi hơi 306 Bà Rịa (số 2)	15,0
5.	TỔNG CÔNG TY DỆT MAY VIỆT NAM	30,0
	Công ty Dệt Hà Nội (dây chuyền vải Denim)	30,0

6.	TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM	30,0
	Xi măng Bim Sơn	30,0
7.	TỔNG CÔNG TY CAO SU VIỆT NAM	20,0
	Dự án Hạ tầng khu công nghiệp Hồ Nai	20,0
	ĐỊA PHƯƠNG	199,0
1.	HẢI PHÒNG	20,0
	Đường ngã 5 sân bay Cát Bi	20,0
2.	THANH HÓA	20,0
	Khu Công nghiệp Lễ Môn A	20,0
3.	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	30,0
	Khu Công nghiệp Cát Lái (cụm VI) Tổng công ty Bến Thành	10,0
	Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi	10,0
	Khu Công nghiệp Tân Bình	10,0
4.	BÌNH DƯƠNG	30,0
	Xây dựng và kinh doanh CSHT Khu Công nghiệp Sóng Thần II	30,0

5.	BÀ RỊA - VŨNG TÀU	50,0
	Khu nhà ở Tây đường Hàng Điều	50,0
6.	LONG AN	4,0
	Hạ tầng khu công nghiệp Đức Hòa I	4,0
7.	CẦN THƠ	10,0
	Cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất giai đoạn I	10,0
8.	KIÊN GIANG	35,0
	Dự án lấn biển thị xã Rạch Giá.	35,0
	II. DO TỔNG CỤC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHO VAY	
	TỔNG SỐ	679,1